# V. Speaking (trang 126, 127)

**SBT Tiếng Anh lớp 12 trang 126, 127 Unit 10 V. Speaking - Global success**  
**1 (trang 126-127 SBT Tiếng Anh 12 Global Success):** Circle the letter A, B, C, or D to complete each of the following exchanges. Then practise reading them. (Khoanh tròn chữ cái A, B, C hoặc D để hoàn thành mỗi trao đổi sau đây. Sau đó thực hành đọc chúng.)  
**A.**  
Tom: Mr Vu, (1) for your advice on my career choices. Our discussion was very useful.  
Mr Vu: Don't mention it, Tom. (2) the information useful.  
1.  
A. I'm really grateful  
B. I'm terribly sorry  
C. I wonder  
D. I don't look  
2.  
A. I'm glad you passed  
B. I don't really need  
C. I'm glad you found  
D. I don't know why you like  
**B.**  
Grandma: Lan, (3) showing me how to use my new smartphone.  
Lan: (4), Grandma. If you need my help, just let me know.  
3.  
A. you don't like  
B. I can't thank you enough  
C. you are interested in  
D. thank you for  
4.  
A. It's my duty  
B. No problem  
C. I have to do it  
D. I really appreciate it  
**C.**  
Khoa: Grandpa, Mum mentioned that you paid for me to go to Singapore. I can't (5) that.  
Grandpa: (6), Khoa. It's my pleasure.  
5.  
A. thank you enough for  
B. stand it any longer  
C. appreciate  
D. say how much I like  
6.  
A. Thanks a million  
B. I want to hear it  
C. Don't mention it  
D. I can't stand it  
**D.**  
Nam: Quang, I really like the interactive website you created for learning English. (7) the link.  
Quang: (8) Glad you like it.  
7.  
A. I can't understand  
B. You're welcome  
C. I'm really grateful  
D. Thanks for sending me  
8.  
A. Why do you like it?  
B. No problem.  
C. I'm really confused.  
D. Many thanks.  
**Đáp án:**  
  
  
  
  
1. A  
  
  
2. C  
  
  
3. D  
  
  
4. B  
  
  
  
  
5. A  
  
  
6. C  
  
  
7. D  
  
  
8. B  
  
  
  
  
**Hướng dẫn dịch:**  
**A.**  
Tom: Chú Vũ, cháu thực sự biết ơn lời khuyên của chú về lựa chọn nghề nghiệp của cháu. Cuộc thảo luận của chúng ta rất hữu ích.  
Chú Vũ: Đừng nhắc đến chuyện đó, Tom. Chú rất vui vì cháu tìm thấy thông tin hữu ích.  
**B.**  
Bà: Lan, cảm ơn cháu đã chỉ cho bà cách sử dụng điện thoại thông minh mới.  
Lan: Không sao đâu bà. Nếu bạn cần sự giúp đỡ của cháu, chỉ cần cho cháu biết.  
**C.**  
Khoa: Ông ơi, mẹ có nói là ông đã trả tiền cho cháu đi Singapore. Cháu không thể cảm ơn đủ cho điều đó.  
Ông: Đừng nhắc tới chuyện đó Khoa. Đó là niềm vui của ông.  
**D.**  
Nam: Quang, tôi rất thích trang web tương tác mà bạn đã tạo để học tiếng Anh. Cảm ơn đã gửi cho tôi liên kết.  
Quang: Không sao đâu. Tôi vui vì bạn thích nó.  
  
**2 (trang 127 SBT Tiếng Anh 12 Global Success):** Answer the following questions about lifelong learning. (Trả lời các câu hỏi sau đây về học tập suốt đời.)  
1. How important do you think lifelong learning is?  
2. How do you plan to become a lifelong learner after leaving school?  
3. How do you think you may benefit from lifelong learning?  
4. What challenges do you think you might face in continuing lifelong learning?  
5. What kind of support do you think you will need to continue lifelong learning?  
**Gợi ý:**  
1. I think lifelong learning is very important, especially in our ever-changing world. We need to learn new knowledge and skills all the time to keep up with the changes.  
2. After leaving school, I will study at a vocational school to become a tour guide. This may only take two years. But after these two years, I think I will continue to learn other foreign languages, such as Korean, Chinese, or Japanese. I think I will need these languages for my future career.  
3. Well, I think lifelong learning has lots of benefits and it’ll help me succeed at my job. I will be able to develop professionally, and I think I will have an interesting life when I learn new things.  
4. Certainly, there will be lots of challenges as well. I may find it difficult to work and continue learning at the same time. I may not have enough time to relax and hang out with my friends. Lifelong learning may also be expensive if I have to pay for any courses.  
5. I think I may need support from my future employer and my family. My future employer may have to let me work flexible hours so that I may have time for learning new skills and knowledge. I also expect my parents to give me some financial support and my sister to help me with the household chores.  
**Hướng dẫn dịch:**  
1. Bạn nghĩ việc học tập suốt đời quan trọng như thế nào?  
- Tôi nghĩ việc học tập suốt đời là rất quan trọng, đặc biệt là trong thế giới luôn thay đổi của chúng ta. Chúng ta cần học tri thức và kĩ năng mới mọi lúc để theo kịp những thay đổi.  
2. Bạn dự định trở thành người học suốt đời sau khi rời ghế nhà trường như thế nào?  
- Sau khi ra trường tôi sẽ học trường dạy nghề để trở thành hướng dẫn viên du lịch. Điều này có thể chỉ mất hai năm. Nhưng sau hai năm này, tôi nghĩ mình sẽ tiếp tục học các ngoại ngữ khác như tiếng Hàn, tiếng Trung hoặc tiếng Nhật. Tôi nghĩ tôi sẽ cần những ngôn ngữ này cho sự nghiệp tương lai của mình.  
3. Bạn nghĩ mình có thể được hưởng lợi như thế nào từ việc học tập suốt đời?  
- Tôi nghĩ việc học tập suốt đời có rất nhiều lợi ích và nó sẽ giúp tôi thành công trong công việc. Tôi sẽ có thể phát triển nghề nghiệp và tôi nghĩ mình sẽ có một cuộc sống thú vị khi học hỏi những điều mới.  
4. Bạn nghĩ mình có thể gặp phải những thách thức nào khi tiếp tục học tập suốt đời?  
- Chắc chắn sẽ có rất nhiều thử thách. Tôi có thể thấy khó khăn khi làm việc và tiếp tục học tập cùng một lúc. Tôi có thể không có đủ thời gian để thư giãn và đi chơi với bạn bè. Việc học suốt đời cũng có thể tốn kém nếu tôi phải trả tiền cho bất kì môn học nào.  
5. Bạn nghĩ mình sẽ cần loại hỗ trợ nào để tiếp tục học tập suốt đời?  
- Tôi nghĩ tôi có thể cần sự hỗ trợ từ người chủ tương lai và gia đình tôi. Người chủ tương lai của tôi có thể phải cho phép tôi làm việc với thời gian linh hoạt để tôi có thời gian học những kỹ năng và kiến ​​thức mới. Tôi cũng mong bố mẹ hỗ trợ tài chính cho tôi và chị gái giúp tôi làm việc nhà.  
**Xem thêm lời giải bài tập Tiếng Anh lớp 12 sách Global success hay khác:**  
I. Pronunciation (trang 119)  
II. Vocabulary (trang 119, 120, 121)  
III. Grammar (trang 121, 122, 123)  
IV. Reading (trang 124, 125, 126)  
VI. Writing (trang 127, 128)